

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 20/4/2026

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Lâm Minh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Dương Nhanh

Ông Đặng Văn Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Gia An, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ.

Trong ngày 20 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 121/2026/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 02 năm 2026 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 187A/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị Huỳnh N; sinh năm: 2001 (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã G, Thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Quốc K; sinh năm: 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã H, Thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/02/2026, Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 17/3/2026 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Dương Thị Huỳnh N trình bày:

Bà Dương Thị Huỳnh N kết hôn với ông Nguyễn Quốc K và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã H Thành phố Cần Thơ) cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/01/2019. Bà N và ông K có với nhau 02 con chung gồm: Nguyễn Dương Trang Đ (giới tính: Nữ); sinh ngày 15/01/2020 và Nguyễn Dương Quốc B (giới tính: Nam); sinh ngày 15/6/2022. Hiện cháu Đ và cháu B đang sống chung với bà Dương Thị Huỳnh N. Trong thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp nhau về tính cách dẫn đến cuộc sống không còn hạnh phúc.

Nay bà Dương Thị Huỳnh N yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Huỳnh N yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Quốc K.

- Về con chung: Bà Dương Thị Huỳnh N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Dương Trang Đ (giới tính: Nữ); sinh ngày 15/01/2020 và Nguyễn Dương Quốc B (giới tính: Nam); sinh ngày 15/6/2022, yêu cầu ông Nguyễn Quốc K cấp dưỡng hàng tháng cho hai con chung, mỗi cháu là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Đ và cháu B đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 17/3/2026, bà Dương Thị Huỳnh N thay đổi một phần yêu cầu, về cấp dưỡng cho con thì bà không yêu cầu ông Nguyễn Quốc K cấp dưỡng cho cháu Đ và cháu B. Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung thì bà N vẫn giữ nguyên ý kiến như đã nêu trên.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Quốc K: Dù được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của bà N nhưng ông Nguyễn Quốc K không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình. Tòa án đã thông báo toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho ông Nguyễn Quốc K và đưa vụ án ra xét xử. Phiên tòa ngày 03/4/2026, bị đơn ông Nguyễn Quốc K vẫn vắng mặt và không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Bà Dương Thị Huỳnh N khởi kiện về việc ly hôn, nuôi con chung. Yêu cầu của bà N được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, Điều 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình. Đồng thời, bị đơn ông Nguyễn Quốc K có địa chỉ cư trú tại ấp

H, xã H, Thành phố Cần Thơ. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn bà Dương Thị Huỳnh N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Quốc K đã được triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa, đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227 khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về nội dung giải quyết:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Trích lục kết hôn của bà Dương Thị Huỳnh N và ông Nguyễn Quốc K; bản chứng thực căn cước công dân của bà Dương Thị Huỳnh N; bản chứng thực Giấy khai sinh của các cháu Nguyễn Dương Trang Đ (giới tính: Nữ); sinh ngày 15/01/2020 và Nguyễn Dương Quốc B (giới tính: Nam); sinh ngày 15/6/2022 đối chiếu với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của bà Dương Thị Huỳnh N về việc kết hôn với ông Nguyễn Quốc K được Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã H, Thành phố Cần Thơ) cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/01/2019 là sự thật. Vì vậy, giữa bà N và ông K đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp, quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, do vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn làm cho cuộc sống chung không hạnh phúc, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, không cùng nhau thực hiện các công việc gia đình; không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Như vậy, bà N và ông K đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình; vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, giải quyết cho bà Dương Thị Huỳnh N được ly hôn với ông Nguyễn Quốc K.

[4] Đối với quyền nuôi con chung: Cháu Nguyễn Dương Trang Đ (giới tính: Nữ); sinh ngày 15/01/2020 và cháu Nguyễn Dương Quốc B (giới tính: Nam); sinh ngày 15/6/2022 đang sống cùng với bà Dương Thị Huỳnh N được phát triển đầy đủ về mặt thể chất và tinh thần. Đồng thời, cháu Y và cháu B còn nhỏ nên cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Mặt khác, bà N xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Dương Trang Đ và cháu Nguyễn Dương Quốc B. Như vậy, bà N đã thực hiện đúng nghĩa vụ và quyền của cha mẹ quy định tại Điều 69 của Luật hôn nhân và

gia đình. Về phía ông K, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các Thông báo của Tòa án cho ông K, trong thông báo thể hiện rõ yêu cầu của bà N nhưng ông K không phản đối và không có ý kiến gì nên căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cho bà N được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đ và cháu B. Đồng thời, ghi nhận ý chí tự nguyện của bà N về việc không yêu cầu ông K cấp dưỡng cho con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Dương Thị Huỳnh N phải chịu là 300.000 đồng theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 2 Điều 143; khoản 1 Điều 144; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Dương Thị Huỳnh N được ly hôn với ông Nguyễn Quốc K.

2. Về quyền nuôi con chung: Giao cho bà Dương Thị Huỳnh N được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Dương Trang Đ (giới tính: Nữ); sinh ngày 15/01/2020 và cháu Nguyễn Dương Quốc B (giới tính: Nam); sinh ngày 15/6/2022 đến khi cháu Đ và cháu B đủ 18 tuổi. Ghi nhận ý chí tự nguyện của bà Dương Thị Huỳnh N về việc không yêu cầu ông Nguyễn Quốc K cấp dưỡng cho cháu Đ và cháu B.

Trong thời gian bà Dương Thị Huỳnh N nuôi dưỡng con chung, không ai được quyền ngăn cản sự thăm nom, chăm sóc, giáo dục của cha mẹ đối với con chung.

Vì quyền lợi về mọi mặt của cháu Nguyễn Dương Trang Đ và cháu Nguyễn Dương Quốc B, bà Dương Thị Huỳnh N có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi

nghĩa vụ và mức cấp dưỡng cho con; ông Nguyễn Quốc K có thể yêu cầu giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Các đương sự thực hiện quyền này theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Dương Thị Huỳnh N phải chịu là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0003298 ngày 23/02/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố C, bà Dương Thị Huỳnh N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 8 – Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 8-Cần Thơ;
- Phòng GD-KT-TT&THA TAND TPCT;
- UBND xã Hòa Tú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lâm Minh Tuấn